

Bản án số: 922/2023/HS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 28/11/2023, 01/12/2023 và 08/12/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 504/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Chu Tiến D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 258/2023/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàng H; Giới tính: Nam; Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1958 tại Tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội; Đảng phái, chính trị: Đảng viên Đ2 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng). Nơi cư trú: Số A N, Phường A, Quận E, Tp . Hồ Chí Minh; Tiền án/tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Hoàng C, (đã chết) Và bà Phạm Thị A (đã chết); bị cáo có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1986). Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là C1 đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đoàn Trọng N – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt)

2. Nguyễn Hoàng A1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 1982 tại Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Chánh Văn phòng CNS; Phó Tổng giám đốc CNS; Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS (đã đình chỉ công tác); Đảng phái, chính trị: Đảng viên Đ2, bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy các cấp, đình chỉ chức vụ trong Đảng từ ngày 28/02/2022 (Quyết định số 694-QĐ/TU ngày 28/02/2022 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh). Nơi thường trú: Số D Đ, phường C, Quận H, Tp . Hà Nội; Nơi cư trú: Căn hộ C.7.6 - Block C, Chung cư P, số I N, xã P, huyện N, Tp . Hồ Chí Minh; Tiền án/tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Văn

Đ, và bà Hoàng Thị N1; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2021); Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là C1 đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng A1 theo yêu cầu: Luật sư Đặng Thị Thanh X – Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

3. Lê Viết B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 4 năm 1982 tại Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Phòng Tài chính - Kế toán CNS; Đảng phái, chính trị: Đảng viên Đ2, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 11/01/2022 (Quyết định số 01-QĐ/UBKTĐU ngày 11/01/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy CNS); Nơi thường trú: Số D, Lô N, Chung cư K D, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số D N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tiền án/tiền sự: Không; Con ông: Lê Đình C2 và bà Vũ Thị B1; Bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016); Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là C1 đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu:

1/Luật sư Nguyễn Thị Thúy H1 - Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2/Luật sư Nguyễn Văn K – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/8/2019, Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kết luận thanh tra số 24/KL-TTTP-P6 và chuyển hồ sơ, tài liệu kèm theo cho Cục A3 kinh tế Bộ C4 để điều tra, làm rõ các dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, gây thất thoát, lãng phí, xảy ra tại CNS.

Ngày 26/01/2021, Cục A3 kinh tế Bộ C4 ra Quyết định số 488/QĐ-ANKT-ANCT khởi tố vụ án hình sự: “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí, xảy ra tại Tổng Công ty C5*” theo quy định tại Điều 219 Bộ luật Hình sự, đồng thời chuyển vụ án đến Cơ quan An ninh điều tra Bộ C4 để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra vụ án, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C6 có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Chu Tiến D và đồng phạm đã có hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong việc: Quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng CNS, gây thất thoát 17.343.220.000 đồng; thực hiện thoái vốn đầu tư của CNS tại TIE, gây thất thoát 4.689.300.000 đồng, cụ thể:

1. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong việc quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng của CNS, gây thất thoát 17.343.220.000 đồng.

1.1. Hồ sơ pháp lý; chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng, Phó Phòng Kế hoạch-Tài chính của CNS

1.1.1. Hồ sơ pháp lý Tổng Công ty C5 – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M1):

Ngày 27/3/2006, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND thành lập Tổng Công ty C5 (là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, kinh doanh đa ngành, trong đó ngành chính là: *Sản xuất, kinh doanh thuốc lá; đầu tư phát triển các ngành cơ khí, cơ điện, điện tử tại các Công ty con, Công ty L4, làm nòng cốt trong việc thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Tổng Công ty C5 (Công ty mẹ) đầu tư vốn dưới hình thức sở hữu trong vốn điều lệ các doanh nghiệp khác, các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty, gồm: 04 xí nghiệp trực thuộc (Xí nghiệp B3, 2, 3 và 4); 07 Công ty con (Công ty C7; Công ty cổ phần M1; Công ty cổ phần M1; Công ty cổ phần M1; Công ty Đ3; Công ty Đ4; Công ty M1, 03 Công ty liên kết (Công ty cổ phần M1; Công ty cổ phần M1; Công ty C8).

Ngày 24/7/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ban hành Quyết định số 3254/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty C5, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Tổng Công ty M1 (viết tắt là CNS), hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0300713668 ngày 27/8/2010, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Văn T, Tổng Giám đốc (viết tắt là TGD). Ngày 12/02/2015, CNS được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kinh doanh (thay đổi lần thứ 4), vốn điều lệ là 2.250.030.000.000 đồng, người đại diện pháp luật của công ty là ông Chu Tiến D, Tổng giám đốc.

Ngày 15/3/2021, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kinh doanh (thay đổi lần thứ 12), vốn điều lệ là 2.608.462.000.000 đồng, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Phương Đ1, TGD, địa chỉ trụ sở chính tại số E đường N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2013 đến 2017, thực hiện Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu CNS giai đoạn 2013-2015 và Văn bản số 410/UBND-KT ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về việc điều chỉnh kế hoạch thoái vốn của các Tổng Công ty, công ty mẹ 100% vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố M1 đã được phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 - 2015, CNS đã triển khai thực hiện thoái vốn tại 02 công ty con là: Công ty Cổ phần M1 (CNS sở hữu 70%/vốn điều lệ); Công ty Cổ phần M1 (CNS sở hữu 50%/vốn điều lệ).

1.1.2. Chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Chánh văn phòng, Kế toán trưởng, Phó Phòng Kế hoạch-Tài chính của CNS

- Chu Tiến D là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên CNS theo Quyết định số 418/QĐ-UBND-TC ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố M1, đến ngày 25/12/2019, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 miễn nhiệm Thành viên Hội đồng thành viên của CNS.

- Nguyễn Hoàng A1 là Chánh Văn phòng CNS (theo Quyết định số 330/CNS-HCNS ngày 01/4/2015). Từ ngày 21/4/2016 đến 09/5/2018, Nguyễn Hoàng A1 là Phó Tổng giám đốc CNS (theo Quyết định số 369/QĐ-HĐTV ngày 21/4/2016).

- Đỗ Văn N2 là Kế toán trưởng CNS theo Quyết định bổ nhiệm số 14/CNS-HĐTV ngày 25/3/2013, đồng thời từ ngày 14/5/2014 là thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên CNS theo Quyết định bổ nhiệm số 105/QĐ-UBND-TC ngày 14/5/2014.

- Vũ Lê T1 là Phó Tổng giám đốc CNS (theo Quyết định bổ nhiệm số 169/QĐ-TC ngày 03/3/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS và Văn bản số 343/UBND-VX-TC ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1), đồng thời từ ngày 14/5/2014, Vũ Lê T1 được Ủy ban nhân dân Thành phố M1 bổ nhiệm giữ chức vụ thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên CNS (theo Quyết định số 104/QĐ-UBND-TC ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1).

- Huỳnh Tấn T2 là Phó Tổng Giám đốc CNS theo Quyết định bổ nhiệm số 70/CNS-HĐTV ngày 23/7/2014.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc CNS: thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ CNS và Quyết định số 147/QĐ-CNS ngày 15/5/2016 của Tổng giám đốc CNS về việc phân công nhiệm vụ trong Ban TGD CNS.

- Nguyễn Đức V là Chánh Văn phòng CNS theo Quyết định số 360/QĐ-CNS ngày 01/10/2016 của Tổng giám đốc CNS, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ CNS và phân công của Tổng giám đốc.

- Lê Viết B là Phó Phòng Tài chính - Kế toán CNS (theo Quyết định số 379/QĐ-CNS ngày 01/10/2016), thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Bản mô tả công việc Giám đốc Tài chính - Kế toán số 109/TCKT do Tổng Giám đốc CNS phê duyệt ngày 30/5/2014.

1.2. Diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo

T3 năm 2015 đến năm 2018, CNS đã chi tổng cộng 21.693.220.000 đồng (120 bộ hồ sơ thanh toán) từ Quỹ khen thưởng CNS cho một số cá nhân, đơn vị ngoài CNS, cụ thể:

CNS là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố M1. Việc quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng được pháp luật quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ; các doanh nghiệp phải ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng tại doanh nghiệp P với quy định pháp luật hiện hành để quản lý và sử dụng. Tổng Giám đốc quyết định mức chi thưởng cho đối tượng được hưởng theo đúng mục đích sử dụng của Quỹ khen

thường và được cụ thể hóa tại Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng của doanh nghiệp ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Từ ngày 20/01/2015 đến 04/12/2015, CNS chi tiền thưởng cho cá nhân, đơn vị ngoài CNS từ Quỹ khen thưởng của CNS, với số tiền 4.350.000.000 đồng (19 bộ hồ sơ thanh toán), không có đầy đủ chứng từ chứng minh việc chi thưởng (*Danh sách chi thưởng, báo cáo thành tích, đóng góp cho sự phát triển của CNS để được chi thưởng*). Tuy nhiên, giai đoạn này việc chi tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS là căn cứ theo Quy chế về quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng của CNS được ban hành tại Quyết định số 94/CNS-HĐTV ngày 17/9/2014 của Hội đồng thành viên CNS theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đang có hiệu lực (viết tắt là Nghị định 71). Quy chế này không quy định cụ thể mức thưởng nên việc Tổng giám đốc CNS quyết định duyệt chi 4.350.000.000 đồng theo 19 bộ hồ sơ nêu trên là không trái với quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ .

- Từ ngày 01/12/2015, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (viết tắt là Nghị định 91) đã có hiệu lực thi hành (thay thế Nghị định số 71). Ngày 09/12/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 có Văn bản số 7585/UBND-CNN gửi CNS triển khai để thực hiện Nghị định này, các cá nhân là Ban Tổng giám đốc CNS, lãnh đạo Phòng tài chính - Kế toán CNS và Văn phòng CNS biết rõ CNS phải ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng mới, quy định cụ thể mức thưởng theo quy định tại Nghị định 91 thay thế Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng (được ban hành theo Quyết định số 94/CNS-HĐTV ngày 17/9/2014 của Hội đồng thành viên CNS, đã hết hiệu lực do trái với quy định của pháp luật hiện hành) để quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng. Tuy nhiên, từ ngày 27/4/2016 đến 29/6/2018, CNS vẫn tiếp tục căn cứ Quy chế về quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng của CNS được ban hành theo Quyết định số 94/CNS-HĐTV ngày 17/9/2014 để chi tổng cộng 17.343.220.000 đồng (101 bộ hồ sơ thanh toán) từ Quỹ khen thưởng của CNS cho cá nhân, đơn vị ngoài CNS *là trái quy định tại Nghị định 91, cụ thể:*

Đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố M1: Tại Điều 32 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, quy định: “Doanh nghiệp nhà nước phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ và ghi rõ mức thưởng trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của doanh nghiệp để quản lý và sử dụng các quỹ”; Điều 40 (Điều khoản chuyên tiếp) quy định các doanh nghiệp phải thực hiện Nghị định 91, chậm nhất kể từ ngày 31/12/2015: “1. Đối với điều lệ, quy chế tài chính của doanh nghiệp N5 đã được cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày 01/7/2015 thì doanh nghiệp nhà nước được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31/12/2015...; 2. Việc xử lý hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp nhà nước,

quản lý vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty M1 hữu hạn hai thành viên trở lên phát sinh từ ngày 01/7/2015 trở đi thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này”.

Ngày 09/12/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ban hành Văn bản số 7585/UBND-CNN gửi CNS về việc triển khai thực hiện Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, trong đó có chỉ đạo CNS: *“Xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, Công ty mẹ gửi C9 doanh nghiệp để kiểm tra, rà soát đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố M1 gửi Bộ T14 có ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của Bộ T14, doanh nghiệp H12 Quy chế quản lý tài chính, gửi Chi cục Tài chính doanh nghiệp rà soát lại trình UBND Thành phố phê duyệt ban hành chính thức”* (CNS nhận được văn bản này vào ngày 15/12/2015). Tại Phiếu đề xuất xử lý văn bản này, Chu Tiến D có bút phê duyệt nội dung chỉ đạo công việc cần thực hiện: *“1. K/c A.Hoa - CT.HĐTV; A.Dũng - TGD/ để chỉ đạo; 2. Phòng TCKT rà soát và tham mưu triển khai, thực hiện đúng quy định; Lãnh đạo phụ trách: A.D - TGD”.*

Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố M1, Chu Tiến D đã chỉ đạo Phòng pháp chế xây dựng dự thảo Điều lệ của CNS, trình Hội đồng thành viên CNS góp ý, ngày 28/4/2016, trên cơ sở ý kiến góp ý của các cá nhân: Ông Chu Tiến D – Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên ngày 27/4/2016 (có ý kiến góp ý trên file giấy); Ông Vũ Lê T1 - Phó Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên (có ý kiến góp ý trên file giấy); Ông Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng thành viên CNS ngày 26/4/2016 (có ý kiến góp ý qua email), Phòng pháp chế hoàn thiện dự thảo Điều lệ và trình HĐTV CNS thông qua dự thảo.

Ngày 30/3/2016 và 24/6/2016, Hội đồng thành viên CNS có Văn bản số 358/CNS-HĐTV và Văn bản số 423/CNS-HĐTV gửi Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố H về việc phê duyệt Điều lệ của CNS, trong đó tại Văn bản số 358/CNS-HĐTV ngày 30/3/2016, CNS báo cáo như sau: *“Căn cứ các Luật, Nghị định và Thông tư hiện hành: ...Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ... và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV M1. Thực hiện các văn bản trên, Tổng Công ty đã xây dựng Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty (đính kèm). Tổng Công ty Đ5 xem xét, rà soát Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty trình UBND Thành phố phê duyệt”.*

Ngày 12/5/2016, Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố H có Văn bản số 184/ĐMDN gửi CNS về việc lưu ý khi xây dựng Điều lệ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân Thành phố M1 làm đại diện chủ sở hữu, trong đó có nội dung: *“ 2. Lưu ý cụ thể: ...Quy chế tài chính của Công ty do UBND Thành phố ban hành nội dung theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Các Tổng Công ty, Công ty TNHH MTM1 hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, các công ty TNHH MTM1 độc lập khác khẩn*

trương gửi dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động đến Ban Đối mới quản lý doanh nghiệp để phối hợp với các sở ngành thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt”.

Ngày 24/6/2016, căn cứ Văn bản số 184/ĐMDN ngày 12/5/2016 nêu trên, Hội đồng thành viên CNS có Văn bản số 423/CNS-HĐTV gửi Ban Đối mới quản lý doanh nghiệp T15 dự thảo Điều lệ CNS để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố M1 xem xét, phê duyệt. Tuy nhiên, đến nay Ủy ban nhân dân Thành phố M1 vẫn chưa ban hành Quyết định phê duyệt Điều lệ của CNS. Do Điều lệ mới chưa được phê duyệt, nên CNS cũng chưa ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng mới tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Như vậy, tại thời điểm trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ CNS thì CNS phải áp dụng quy định của pháp luật hiện hành trong việc điều hành, quản lý vốn của doanh nghiệp, cụ thể: Điều 59 của Điều lệ CNS (được ban hành theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1) quy định: “3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty”; Khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.

Đối với việc lập 101 bộ hồ sơ, chứng từ chi tiền, với tổng số tiền 17.343.220.000 đồng từ Quỹ khen thưởng của CNS: Hồ sơ thanh toán chi bao gồm: Tờ trình đề xuất và Phiếu chi mà không có tài liệu, chứng từ chứng minh nghiệp vụ kinh tế phát sinh (như: Không có danh sách, chữ ký xác nhận việc nhận tiền của đối tượng được khen thưởng; hồ sơ không ghi rõ thông tin cá nhân, đơn vị được khen thưởng; không ghi thông tin về lý do khen thưởng...); có 01 bộ hồ sơ chi thưởng trên cơ sở bút phê chỉ đạo của ông Chu Tiên D tại Giấy giới thiệu của đơn vị xin tiền hỗ trợ, không có Tờ trình đề xuất của Phòng/ban thuộc CNS. Do vậy, các bộ hồ sơ thanh toán này đã vi phạm quy định pháp luật về kế toán, được quy định tại: ⁽¹⁾Khoản 1 Điều 118 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ T14 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định về việc lập và ký chứng từ kế toán; ⁽²⁾Điều 17, 19, 22 - Luật kế toán năm 2003; ⁽³⁾Điều 16, 18, 41 - Luật kế toán năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, thay thế Điều 17, 19, 22 của Luật kế toán năm 2003); ⁽⁴⁾Điều 34 - Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán, cụ thể:

+ Khoản 1 Điều 118 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ T14 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp quy định về việc lập và ký

chứng từ kế toán: “1. Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. Nội dung chứng từ kế toán phải đầy đủ các chỉ tiêu, phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh...”.

+ Điều 17, 19, 22 của Luật kế toán năm 2003 (có hiệu lực đến ngày 01/01/2017) quy định về nội dung chứng từ kế toán, lập chứng từ kế toán và quản lý, sử dụng chứng từ kế toán: “Điều 17: 1. Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây:... d) Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán; đ) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán. Điều 19: 2. Chứng từ kế toán phải được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Trong trường hợp chứng từ kế toán chưa có quy định mẫu thì đơn vị kế toán được tự lập chứng từ kế toán nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 17 của Luật này. Điều 22: 2) Chứng từ kế toán phải được sắp xếp theo nội dung kinh tế, theo trình tự thời gian và bảo quản an toàn theo quy định của pháp luật”.

+ Điều 16, 18, 41 của Luật kế toán năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, thay thế Điều 17, 19, 22 của Luật Kế toán năm 2003) quy định về nội dung chứng từ kế toán và lưu trữ chứng từ kế toán: “Điều 16: 1. Chứng từ kế toán phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ... d) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán; đ) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán. Điều 18: 2. Chứng từ kế toán phải được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu. Trong trường hợp chứng từ kế toán chưa có mẫu thì đơn vị kế toán được tự lập chứng từ kế toán nhưng phải bảo đảm đầy đủ nội dung quy định tại Điều 16 của Luật này. Điều 41: 1) Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ”.

+ Điều 34 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán: “Doanh nghiệp nhà nước phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định pháp luật hiện hành, lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính”.

Việc đề xuất, duyệt ký từng bộ hồ sơ chi tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS trái quy định pháp luật từ ngày 27/4/2016 đến 29/6/2018, với tổng số tiền 17.343.220.000 đồng, như sau (Chi tiết trong Phụ lục 101 hồ sơ chi khen thưởng):

- Về trình tự, thủ tục chi: Trên cơ sở chủ trương, chỉ đạo của ông Chu Tiến D và thống nhất trong Ban Tổng giám đốc CNS về việc sử dụng nguồn tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS để phục vụ công tác đối ngoại, ngoại giao, tri ân với đơn vị, cá nhân ngoài CNS, các Phòng/Ban thuộc CNS lập danh sách cá

nhân, đơn vị cần chi và chuyển cho Văn phòng CNS tập hợp chung, sau đó Văn phòng CNS trao đổi, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán CNS để rà soát, kiểm tra trước khi trình Tổng giám đốc CNS phê duyệt Danh sách dự kiến chi tiền do Văn phòng tập hợp chung. Sau khi được Tổng giám đốc CNS phê duyệt Danh sách chung, Văn phòng CNS thông báo cho lãnh đạo từng Phòng/Ban liên quan biết để lập, ký Tờ trình đề xuất riêng, trình Tổng giám đốc CNS phê duyệt. Sau khi Tờ trình đề xuất được Tổng giám đốc CNS ký duyệt, các Phòng/Ban thuộc CNS chuyển đến Phòng Tài chính - Kế toán CNS để Phòng Tài chính - Kế toán CNS lập Phiếu chi để hoàn tất thủ tục chi tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS.

- Về việc ký đề xuất và duyệt Tờ trình đề xuất: Từ ngày 27/4/2016 đến 29/6/2018, có 20 cá nhân là lãnh đạo cấp Phòng thuộc CNS đã ký 110 Tờ trình đề xuất Tổng giám đốc/Ban Tổng giám đốc CNS duyệt chi tiền cho cá nhân, đơn vị ngoài CNS, gồm: ⁽¹⁾Đỗ Văn N2 - Trưởng Phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng ký 01 Tờ trình, với số tiền 50.000.000 đồng; ⁽²⁾Lê Viết B - Phó Phòng Tài chính kế toán ký 05 Tờ trình, với số tiền 1.005.000.000 đồng; ⁽³⁾Nguyễn Hoàng A1 - Chánh văn phòng CNS (giai đoạn từ ngày 14/7/2016 đến 10/9/2016) ký 04 Tờ trình, với số tiền 2.125.000.000 đồng; ⁽⁴⁾Nguyễn Đức V - Chánh văn phòng CNS (giai đoạn từ ngày 01/10/2016) ký 20 Tờ trình, với số tiền 4.827.920.000 đồng; ⁽⁵⁾Đặng Lê H2 - Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh ký 01 Tờ trình, với số tiền 9.000.000 đồng; ⁽⁶⁾Đặng Quốc T4 - Phó Phòng Đầu tư xây dựng cơ bản ký 04 Tờ trình, với số tiền 607.000.000 đồng; ⁽⁷⁾Hà Hoàng H3 - Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển ký 05 Tờ trình, với số tiền 540.500.000 đồng; ⁽⁸⁾Lê Ngọc H4 - Thư ký Chủ tịch Hội đồng thành viên ký 08 Tờ trình, với số tiền 223.000.000 đồng; ⁽⁹⁾Lê Tấn D1 - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh ký 01 Tờ trình, với số tiền 164.000.000 đồng; ⁽¹⁰⁾Lê Văn H5 - Phó Phòng Nghiên cứu phát triển ký 02 Tờ trình, với số tiền 55.000.000 đồng; ⁽¹¹⁾Nguyễn Lê Trúc H6 - Trưởng phòng Pháp chế ký 04 Tờ trình, với số tiền 170.000.000 đồng; ⁽¹²⁾Nguyễn Phương Yên L - Trưởng phòng Vật tư xuất nhập khẩu ký 16 Tờ trình, với số tiền 1.847.400.000 đồng; ⁽¹³⁾Nguyễn Thanh T5 - Trưởng phòng Bảo hộ lao động ký 02 Tờ trình, với số tiền 90.000.000 đồng; ⁽¹⁴⁾Nguyễn Thành Vĩnh T6 - Trưởng phòng Đầu tư xây dựng cơ bản ký 06 Tờ trình, với số tiền 1.964.000.000 đồng; ⁽¹⁵⁾Nguyễn Thị H7 - Phó Phòng Tổ chức lao động tiền lương ký 03 Tờ trình, với số tiền 39.000.000 đồng; ⁽¹⁶⁾Nguyễn Việt H8 - Trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng ký 04 Tờ trình, với số tiền 183.000.000 đồng; ⁽¹⁷⁾Thái Minh H9 - Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển ký 02 Tờ trình, với số tiền 408.000.000 đồng; ⁽¹⁸⁾Tô Thiên T7 - Trưởng phòng Tổ chức lao động tiền lương ký 05 Tờ trình, với số tiền 363.000.000 đồng; ⁽¹⁹⁾Trần Hữu T8 - Phó phòng Tổ chức lao động tiền lương ký 13 Tờ trình, với số tiền 1.243.000.000 đồng; ⁽²⁰⁾Trần Tuấn M - Phó Chánh văn phòng CNS ký 04 Tờ trình, với số tiền 1.399.400.000 đồng.

Trên cơ sở 110 Tờ trình đề xuất của 20 cá nhân nêu trên, ⁽¹⁾ Với tư cách Tổng giám đốc, ông Chu Tiến D đã duyệt 106 Tờ trình, tổng số tiền 17.272.220 đồng; ⁽²⁾ với tư cách ký thay Tổng giám đốc, ông Vũ Lê T1 đã duyệt 04 Tờ

trình, tổng số tiền 41.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Chu Tiến D còn bút phê “*duyet hỗ trợ 30.000.000 đồng*” tại Giấy giới thiệu đề ngày 25/3/2016 của Ban liên lạc Truyền thống Đoàn 180 An ninh vũ trang M2 và trên cơ sở này Kế toán CNS lập Phiếu chi tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS mà không có Tờ trình đề xuất của các Phòng/ban thuộc CNS.

- *Về việc duyệt Phiếu chi tiền*: Căn cứ 110 Tờ trình và bút phê chỉ đạo của ông Chu Tiến D tại Giấy giới thiệu đề ngày 25/3/2016 nêu trên, Phòng đã lập 101 Phiếu chi (tương ứng 101 bộ hồ sơ thanh toán) để trình Kế toán trưởng CNS và Ban Tổng giám đốc CNS duyệt chi tiền từ Quỹ khen thưởng của CNS, kết quả:

+ Ban Tổng giám đốc CNS đã tham gia duyệt Phiếu chi, gồm: ⁽¹⁾ Ông Chu Tiến D – Tổng giám đốc, ký duyệt 26 Phiếu chi, tổng giá trị 6.537.400.000 đồng; ⁽²⁾ ông Nguyễn Hoàng A1 - Phó Tổng giám đốc, duyệt 44 Phiếu chi, tổng giá trị 9.672.420.000 đồng; ⁽³⁾ ông Vũ Lê T1 - Phó Tổng giám đốc, ký duyệt 20 Phiếu chi, tổng giá trị 748.400.000 đồng; ⁽⁴⁾ ông Huỳnh Tấn T2 - Phó Tổng giám đốc, ký duyệt 09 Phiếu chi, tổng giá trị 330.000.000 đồng; ⁽⁵⁾ ông Lê Tấn D1 - Phó Tổng giám đốc, ký duyệt 02 Phiếu chi, tổng giá trị 55.000.000 đồng.

+ Lãnh đạo Phòng Tài chính kế toán đã tham gia duyệt Phiếu chi, gồm: ⁽¹⁾ Ông Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng, ký duyệt 78 Phiếu chi, tổng giá trị 16.552.220.000 đồng; ⁽²⁾ ông Lê Viết B - Phó Phòng Tài chính kế toán, ký duyệt 08 Phiếu chi, tổng giá trị 319.000.000 đồng; ⁽³⁾ ông Huỳnh Văn Quang T9 - Phó Phòng Tài chính kế toán, ký duyệt 04 Phiếu chi, tổng giá trị 145.000.000 đồng; ⁽⁴⁾ bà Đặng Thị Hoàng A2 - Phó Phòng Tài chính kế toán, ký duyệt 11 Phiếu chi, tổng giá trị 327.000.000 đồng.

- *Việc sử dụng tiền*: Sau khi nhận tiền từ cán bộ Thủ quỹ, các cán bộ CNS sẽ thực hiện việc chi cho các đơn vị, cá nhân bằng nhiều hình thức như đưa tiền mặt, mua quà tặng, không xuất trình được hóa đơn, chứng từ; lãnh đạo CNS và Phòng Kế toán Tài chính không kiểm tra và yêu cầu các cá nhân này nộp lại chứng từ, hóa đơn thể hiện việc chi khen thưởng đúng quy định.

Trong số 101 hồ sơ chi khen thưởng có 29/110 Tờ trình ghi rõ đơn vị, cá nhân được đề xuất chi khen thưởng, bồi dưỡng, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm rõ 30 đơn vị khẳng định không nhận bất kỳ lợi ích vật chất nào từ CNS và có 02 đơn vị: Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ thành phố H đã đề nghị hỗ trợ chuyến thăm, học hỏi kinh nghiệm tại tỉnh Bình Thuận năm 2017, số tiền 30.000.000 đồng và Ban liên lạc Đoàn 180 An ninh vũ trang M2 đề nghị hỗ trợ kinh phí gặp mặt, số tiền: 30.000.000 đồng.

2. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong việc thực hiện thoái vốn đầu tư của CNS tại TIE, gây thất thoát 4.689.300.000 đồng của 06 bị cáo: Nguyễn Hoàng H, Chu Tiến D, Đỗ Văn N2, Vũ Quốc V1, Phạm Thúy O và Hoàng Minh T10:

2.1. Hồ sơ pháp lý; chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Người đại diện quản lý vốn CNS tại TIE

2.1.1. Hồ sơ pháp lý TIE

Công ty Cổ phần M1 (viết tắt là TIE) được thành lập theo Quyết định số 5209/QĐ-UB ngày 28/11/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Công ty M1 thành Công ty Cổ phần M1, trực thuộc Sở Công thương Thành phố H. Ngày 13/7/2004, TIE được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần đầu) số 0301173454 (vốn góp của Nhà nước chiếm tỷ lệ 70%). Ngày 27/3/2006, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 thành lập CNS và chuyển TIE làm công ty con của CNS, qua đó CNS trở thành đại diện chủ sở hữu 70% vốn tại TIE. Tháng 12/2009, TIE niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H, có mã chứng khoán TIE. Ngày 31/7/2014, TIE được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 16) số 0301173454, vốn điều lệ là 95.699.000.000 đồng, trong đó: CNS sở hữu 6.699.000 cổ phiếu TIE (tương đương 70%/vốn điều lệ); người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Quốc V1.

Thời điểm trước ngày 21/3/2016 (trước khi CNS thoái vốn lần 1 tại TIE), còn 03 cá nhân được CNS cử làm người đại diện quản lý 70% vốn góp của CNS tại TIE, gồm: ⁽¹⁾ Vũ Quốc V1 - Đại diện 61% vốn góp; ⁽²⁾ Phạm Thúy O - Đại diện 05% vốn góp; ⁽³⁾ Hoàng Minh T10 - Đại diện 04% vốn góp.

Căn cứ Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; Văn bản số 7543/UBND-CNN ngày 08/12/2015 và Văn bản số 5575/UBND-KT ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về việc thực hiện kế hoạch tái cơ cấu, thoái vốn đầu tư của CNS tại TIE, CNS đã chỉ đạo người đại diện vốn xây dựng phương án thoái vốn để CNS phê duyệt và thực hiện thoái hết vốn tại TIE vào ngày 21/3/2016 và 27/12/2016. Tuy nhiên, các cá nhân là lãnh đạo CNS (gồm: Nguyễn Hoàn H - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Chu Tiến D - Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị; Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng thành viên) và người đại diện quản lý vốn của CNS tại TIE (gồm: Vũ Quốc V1, Phạm Thúy O, Hoàng Minh T10) đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 liên quan trong việc quản lý vốn đầu tư của CNS tại TIE, gây thất thoát 4.689.300.000 đồng thông qua 02 lần thoái vốn.

2.1.1. Chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Người đại diện quản lý vốn CNS tại TIE

- *Bị cáo Nguyễn Hoàn H:* Ngày 17/8/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ra các Quyết định số 328/QĐ-UBND-TC và 329/QĐ-UBND-TC bổ nhiệm Nguyễn Hoàn H là Thành viên Hội đồng thành viên và giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên của CNS; đến ngày 20/11/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ra Quyết định số 365/QĐ-UBND-TC bổ nhiệm lại Nguyễn Hoàn H là Chủ tịch Hội đồng thành viên. Đến ngày 30/11/2017, Nguyễn Hoàn H được Ủy ban nhân dân Thành phố M1 giải quyết thôi việc theo Quyết định số 132/QĐ-UBND-TC. Đồng thời, từ ngày 21/01/2015, Nguyễn Hoàn H được cử làm Trưởng Ban chỉ đạo tái cơ cấu CNS (theo Quyết định số 142/CNS-HĐTV ngày 21/01/2015, đề triển khai, thực hiện tái cơ cấu CNS giai đoạn 2013 - 2015 theo

Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1).

- *Bị cáo Chu Tiến D, Tổng Giám đốc CNS*: từ ngày 21/01/2015, Chu Tiến D được cử làm Phó Ban thường trực Ban chỉ đạo tái cơ cấu CNS (theo Quyết định số 142/CNS-HĐTV ngày 21/01/2015, để triển khai, thực hiện tái cơ cấu CNS giai đoạn 2013 - 2015 theo Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1).

- *Bị cáo Đỗ Văn N2, Kế toán trưởng CNS*: từ ngày 21/01/2015, Đỗ Văn N2 còn được Hội đồng thành viên CNS cử làm Ủy viên Ban chỉ đạo tái cơ cấu CNS.

- *Các bị cáo Hoàng Minh T10, Phạm Thúy O, Vũ Quốc V1 và ông Vũ Đức D2* được cử là người đại diện quản lý 70% vốn của CNS tại TIE theo Quyết định số 19A/CNS-HĐTV ngày 02/4/2013 của Hội đồng thành viên CNS, trong đó, Vũ Đức D2 giữ 46% vốn điều lệ, V 15%, Phạm Thúy O 05%, Hoàng Minh T10 04%. Đến ngày 24/02/2016, Vũ Đức D2 nghỉ chế độ, Vũ Quốc V1 được CNS giao giữ 61% vốn điều lệ tại TIE theo Quyết định 333/CNS-HĐTV ngày 24/02/2016 của Hội đồng thành viên CNS. Sau khi thoái vốn tại TIE (ngày 21/3/2016), ngày 30/3/2016, CNS có Quyết định số 360/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên cử Hoàng Minh T10 đại diện 20% góp vốn điều lệ tại TIE.

- *Chức trách, nhiệm vụ của người đại diện vốn của CNS tại TIE là*: Đại diện quản lý phần vốn góp của CNS; thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính của TIE để kịp thời tham mưu, báo cáo định kỳ, đột xuất, bất thường cho CNS về những thông tin ảnh hưởng tới lợi ích và kế hoạch, mục tiêu của CNS (Điều 6, 7, 8 Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn CNS đầu tư vào doanh nghiệp, được ban hành theo Quyết định số 92/CNS-HĐTV ngày 15/9/2014 của Hội đồng thành viên CNS).

Quy định về chức trách, nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên. Người đại diện quản lý vốn được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định của CNS.

2.2. Diễn biến quá trình CNS thoái vốn lần 1 và lần 2 tại TIE gây thất thoát 4.689.300.000 đồng

2.2.1. Diễn biến quá trình CNS thoái vốn lần 1 tại TIE (giảm tỷ lệ sở hữu vốn góp từ 70% xuống còn 20%), gây thất thoát 3.349.514.000 đồng của CNS

- Ngày 11/7/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 có Văn bản số 3280/UBND-CNN chỉ đạo: “*Giao các doanh nghiệp chỉ đạo người đại diện theo ủy quyền phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp K1 xây dựng phương án thoái vốn tại các doanh nghiệp khác, trình cấp thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện, cụ thể như sau: Phương án thoái vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm các nội dung cơ bản: ..., đánh giá lợi*

ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, thời điểm và hình thức chuyển nhượng”.

- Ngày 21/01/2015, căn cứ Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1, Nguyễn Hoàng H - Chủ tịch Hội đồng thành viên ký ban hành Quyết định số 142/CNS-HĐTV thành lập Ban chỉ đạo tái cơ cấu CNS giai đoạn 2013 - 2015 (gồm: Nguyễn Hoàng H - Chủ tịch Hội đồng thành viên, Trưởng ban; Chu Tiến D – Tổng giám đốc, Phó Ban thường trực; Đỗ Văn N2 - Giám đốc Tài chính kế toán, Kế toán trưởng CNS, ủy viên; ông Vũ Đức D2 - Phó Tổng giám đốc, ủy viên; ông Phan Tấn T11 - Phụ trách Kiểm soát viên, ủy viên; ông Lê Tấn D1 - Trưởng Phòng Hệ thống quản lý chất lượng, ủy viên thường trực), có nhiệm vụ: *“Chỉ đạo, phân công, triển khai, theo dõi, giám sát việc thực hiện tái cơ cấu CNS giai đoạn 2013 - 2015 theo Quyết định số 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của U; lập Kế hoạch và lộ trình cụ thể để thực hiện tái cơ cấu trình UBND Thành phố phê duyệt; Thời điểm hoàn thành việc thoái vốn: Quý II/2015...”*.

Ngày 22/5/2015, Chu Tiến D – Tổng giám đốc ký Văn bản số 359/CNS-KHKD gửi Người đại diện vốn của CNS tại doanh nghiệp và lãnh đạo các doanh nghiệp có vốn góp, đầu tư của CNS về việc thực hiện kế hoạch thoái vốn, trong đó có nội dung chỉ đạo: *“Thời điểm hoàn thành việc thoái vốn: Quý II/2015; Người giữ vốn nhà nước của Tổng Công ty tại doanh nghiệp cung cấp hồ sơ liên quan tới doanh nghiệp cho bên tư vấn, thẩm định giá trị; Người giữ vốn nhà nước cùng lãnh đạo tại doanh nghiệp P1 bàn bạc với bên tư vấn để xây dựng phương án thoái vốn phù hợp luật định và doanh nghiệp trình Tổng Công ty xem xét quyết định...”*. Chu Tiến D biết từ năm 2004 đến năm 2014, CNS đều được nhận cổ tức tại TIE từ 5% đến 30% vốn điều lệ, nhưng trong văn bản chỉ đạo không có đánh giá về lợi ích, ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn CNS tại TIE (dự kiến về lợi nhuận, cổ tức mà CNS được hưởng trong năm 2015).

Là những người được giao quản lý vốn CNS tại TIE, nhóm người đại diện vốn biết từ năm 2004 đến 2014 TIE đều chia cổ tức từ 5% đến 30% vốn điều lệ cho CNS theo tỉ lệ vốn góp 70% của CNS tại TIE. Tuy nhiên, ngày 12/6/2015, nhóm Người đại diện vốn của CNS tại TIE, gồm: Ông Vũ Đức D2, Vũ Quốc V1, Hoàng Minh T10 và Phạm Thúy O lập, ký Phương án thoái vốn số 122/2015/CV-TIE gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc CNS và Ban chỉ đạo tái cơ cấu của CNS, đề xuất phương án chuyển nhượng 50% vốn của CNS tại TIE, trong đó có nội dung: *Dự kiến thời gian hoàn tất thực hiện lộ trình giao dịch cổ phiếu để thoái vốn là 58 ngày, kể từ ngày U phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của CNS tại TIE; Hình thức bán cổ phần: Thực hiện theo phương thức giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP .”* mà không có nội dung đánh giá về thu hồi lợi nhuận, cổ tức từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

Ngày 17/6/2015, 04 cá nhân là thành viên Nhóm tổng hợp phương án tái cơ cấu, thoái vốn CNS tại các công ty (gồm: Đỗ Văn N2 – Kế toán trưởng, Giám đốc Phòng Tài chính Kế toán CNS, ông Lê Tấn D1, bà Phạm Thị Thu H10 và bà

Lương Thị Ánh N3) thực hiện việc kiểm tra, cho ý kiến các hạng mục trong báo cáo Phương án thoái vốn của Người đại diện vốn (theo biểu mẫu do CNS hướng dẫn) và ký Báo cáo số 09.10/KHKD gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Ban Chỉ đạo tái cơ cấu CNS về việc xem xét phương án thoái vốn của CNS tại TIE.

Chu Tiến D biết hàng năm CNS đều được nhận cổ tức từ TIE và trong Phương án thoái vốn 122/2015/CV-TIE không đánh giá về dự kiến thu hồi lợi nhuận, cổ tức năm 2015, nhưng ngày 20/6/2015, Chu Tiến D ký Tờ trình số 20/BTGD gửi Hội đồng thành viên CNS và Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS đề xuất xem xét, duyệt Phương án thoái vốn số 122/2015/CV-TIE ngày 12/6/2015 của Nhóm người đại diện vốn CNS tại TIE, trong đó đề xuất: *“Kính trình Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên xem xét quyết định Phương án thoái vốn, ra Nghị quyết thoái vốn và làm văn bản trình Sở Tài chính thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ra quyết định. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 để Tổng Công ty triển khai thoái vốn”*. Đến ngày 02/7/2015, căn cứ Tờ trình số 20/BTGD ngày 20/6/2015 của Chu Tiến D và Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên CNS ngày 30/6/2015, Nguyễn Hoàn H thay mặt Hội đồng thành viên CNS ký ban hành Nghị quyết số 216/CNS-HĐTV chấp thuận Phương án thoái vốn của CNS tại TIE. Cùng ngày, Nguyễn Hoàn H thay mặt Hội đồng thành viên CNS ký Văn bản số 217/CNS-HĐTV đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố M1 và Sở Tài chính Thành phố H xem xét, chấp thuận phương án thoái 50% vốn góp của CNS tại TIE theo phương án trên. Ngày 08/9/2015, căn cứ Nghị quyết số 216/CNS-HĐTV ngày 02/7/2015 của Hội đồng thành viên CNS, Chu Tiến D ký Giấy ủy quyền cho ông Đỗ Văn N2 thực hiện giao dịch chứng khoán để bán cổ phiếu TIE. Tuy nhiên, do thời điểm này chưa có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 đối với đề xuất của CNS tại Văn bản số 217/CNS-HĐTV ngày 30/6/2015, nên CNS chưa triển khai việc bán cổ phiếu để thoái vốn tại TIE.

- Cuối tháng 12/2015, CNS nhận được các Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý/năm của các công ty con của CNS, trong đó TIE và Nhóm người đại diện vốn của CNS tại TIE đã báo cáo CNS về lợi nhuận tạm tính năm 2015 của TIE là 10.543.000.000 đồng (theo yêu cầu tại Văn bản số 846/CNS-TCKT ngày 26/11/2014 và Văn bản số 856/CNS-KHKD ngày 08/12/2015 của CNS thì thời hạn gửi báo cáo này chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hàng năm).

Ngày 11/12/2015, trên cơ sở tổng hợp, tham mưu của Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng CNS, ông Vũ Lê T1 - Phó Tổng giám đốc CNS thay mặt Tổng giám đốc CNS ký Báo cáo số 440/BC-CNS ngày 11/12/2015 về tình hình sản xuất kinh doanh tháng 12/2015 của CNS và gửi Nguyễn Hoàn H - Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS, trong đó có báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận năm 2015 của TIE (Lũy kế tạm tính đến cuối tháng báo cáo là 10.543.000.000 đồng).

Người đại diện vốn của CNS tại TIE (ông Vũ Đức D2, Vũ Quốc V1, Hoàng Minh T10, Phạm Thúy O) đã có các báo cáo: ⁽¹⁾Báo cáo một số chỉ tiêu

tài chính Quý IV/2015 đã báo cáo lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 5,999 tỷ đồng, các khoản nộp về Quỹ sắp xếp doanh nghiệp từ năm 2004 đến năm 2014 là từ 5% đến 30% vốn điều lệ; ⁽²⁾Báo cáo số 08/2016/BC-TIE báo cáo giám sát tài chính của doanh nghiệp có vốn góp chi phối ngày 29/02/2016, nội dung mục 6: “*Năm 2015: dự kiến cổ tức từ 5-7% vốn điều lệ và sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016 (tổ chức trong tháng 4/2016)*”.

Như vậy, trên cơ sở báo cáo của Nhóm người đại diện vốn (Vũ Đức D2, Vũ Quốc V1, Hoàng Minh T10, Phạm Thúy O), từ ngày 11/12/2015, Nguyễn Hoàng H, Chu Tiến D, Đỗ Văn N2 biết rõ tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2015, TIE có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nên CNS sẽ được quyền hưởng phần lợi tức phát sinh này (với tư cách cổ đông sở hữu tỷ lệ 70% vốn góp tại TIE) nhưng CNS không điều chỉnh thời điểm, phương án thoái vốn để CNS nhận được cổ tức năm 2015 từ TIE.

- Ngày 14/01/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 có Văn bản số 183/UBND-CNN gửi CNS chấp thuận phương án thoái vốn CNS tại TIE nêu tại Văn bản số 217/CNS-HĐTV ngày 30/6/2015, trong đó chỉ đạo: “*Giao HĐTV CNS chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thực hiện thoái vốn tại TIE theo đúng quy định tại Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn nhà nước ở mức cao nhất*”.

Ngày 02/02/2016, TIE gửi Báo cáo tài chính tổng hợp Q 4/năm 2015 (lập ngày 29/01/2016) cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H để công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của TIE tại website <http://www.tie.com.vn> trong đó xác định: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ là 13.977.731.560 đồng.

Ngày 19/02/2016, sau khi nhận được Văn bản số 183/UBND-CNN ngày 14/01/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1, Chu Tiến D ký Tờ trình số 13/TTr-BTGD gửi Hội đồng thành viên CNS, Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS về việc ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về phương án thoái vốn của CNS, trong đó đề xuất: “*Về thẩm quyền phê duyệt thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Tại khoản 3 Điều 31 của Luật số 69/2014/QH13 quy định: “Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty Q2 chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần M1, công ty trách nhiệm hữu hạn M1 sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương. Trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty B4 cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định”. Đối với Công ty Cổ phần M1, giá chào bán khởi điểm đề xuất 10.500 đồng/CP x 4.785.020 CP = 50.242.710.000 đồng, giá trị sổ sách của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là 47.850.200.000 đồng, như vậy giá chào bán khởi điểm đề xuất không thấp hơn giá trị trên sổ sách kế toán và đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân thành*

phổ. Do đó kính trình Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT xem xét và ra quyết định để thực hiện”. Khi ký tờ trình này, Chu Tiến D đã biết TIE hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận trong năm 2015 là 12.133.803.573 đồng nhưng không đề xuất Hội đồng thành viên CNS điều chỉnh phương án, thời điểm thoái vốn tại TIE để CNS hưởng cổ tức từ TIE.

Nguyễn Hoàng H biết rõ việc TIE có phát sinh lợi nhuận từ vốn đầu tư của CNS, nhưng Nguyễn Hoàng H không chỉ đạo Tổng giám đốc CNS, Người đại diện vốn của CNS tại TIE thực hiện các biện pháp hoặc điều chỉnh phương án, lộ trình thoái vốn phù hợp để thu hồi lợi tức phát sinh trước khi thoái vốn. Trên cơ sở Tờ trình số 13/TTr-BTGD ngày 19/02/2016 của Chu Tiến D, Nguyễn Hoàng H - Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập, tổ chức họp Hội đồng thành viên hoặc lấy phiếu ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên CNS theo quy định tại Điều 79, 94, 96 97 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ CNS (tại Biên bản làm việc ngày 16/6/2022, CNS xác định: Việc ban hành Quyết định này, Hội đồng thành viên CNS chỉ căn cứ Tờ trình của ông Chu Tiến D mà không tổ chức họp, không tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên CNS) mà thay mặt Hội đồng thành viên CNS ký ban hành Quyết định số 331/CNS-HĐTV ngày 22/02/2016 về việc chấp thuận phương án thoái vốn của CNS tại TIE và giao Tổng giám đốc CNS thực hiện Quyết định này.

Ngày 29/02/2016, TIE lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 và gửi CNS để báo cáo định kỳ hàng năm, trong đó TIE có báo cáo lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là: 12.133.803.573 đồng. Tại Văn bản số 346/CNS-CQVP ngày 21/6/2022 trả lời Cơ quan An ninh điều tra Bộ C4, CNS xác định: “Nội dung Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của TIE được tổng hợp cùng báo cáo tài chính của các công ty khác để trình tham mưu ông Chu Tiến D - TGD CNS ký ban hành Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015”.

Ngày 01/3/2016, TIE gửi Quyết định số 03/2016/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2016 cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H để công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của TIE tại website <http://www.tie.com.vn> về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, trong đó có nội dung về tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 và ngày chốt danh sách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông là 21/3/2016. Ngày 03/3/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H ra Thông báo số 221/TB-SGDHHCM gửi TIE và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H về ngày đăng ký cuối cùng dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của TIE, trong đó có nội dung: “Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H thông báo về ngày đăng ký cuối cùng như sau: Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/3/2016; ngày đăng ký cuối cùng là 21/3/2016; Lý do và mục đích: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, thời gian thực hiện là 28/4/2016; Nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016: Tờ trình báo cáo về tỷ lệ phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm

2015...Mọi thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 được đăng tải trên website Công ty Cổ phần M1: www.tie.com.vn

Ngày 14/3/2016, mặc dù TIE đã công bố thông tin về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông và thông báo chốt ngày giao dịch không hưởng quyền, nhưng Chu Tiến D vẫn ký Thông báo (không số) gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố H và TIE, thông báo về việc CNS tổ chức thực hiện giao dịch bán cổ phiếu TIE và dự kiến thời gian: *Từ ngày 14/3/2016 đến 12/4/2016.*

Tại thời điểm này, Đỗ Văn N2 là Kế toán trưởng, biết Công ty M1 hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận (Báo cáo tài chính dùng cho năm tài chính 2015) không tham mưu điều chỉnh lộ trình, thời điểm thoái vốn mà ngày 18/3/2016, Đỗ Văn N2 ký Báo cáo số 069/ĐN-TCKT đề xuất Chu Tiến Dũng thay thế người đại diện thực hiện giao dịch bán cổ phiếu của CNS tại TIE, cụ thể: *“Để việc giao dịch được thuận tiện và kịp thời, đề nghị Tổng Giám đốc CNS ủy quyền và giao cho ông Vũ Quốc V1 (người đại diện 61% vốn góp của CNS tại TIE) thay Chủ tài khoản tiếp nhận, xử lý, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo từ Tổng Giám đốc CNS các vấn đề liên quan đến bán cổ phần của Tổng Công ty T16 và thay mặt Tổng Giám đốc ký các văn bản hồ sơ liên quan đến việc giao dịch bán cổ phiếu sau khi có chỉ đạo từ Tổng Giám đốc”.*

Cùng ngày 18/3/2016, căn cứ Quyết định chấp thuận phương án thoái vốn của CNS tại TIE do Nguyễn Hoành H - Chủ tịch Hội đồng thành viên thay mặt Hội đồng thành viên CNS ký ban hành và đề xuất của Đỗ Văn N2, Chu Tiến D ký Giấy ủy quyền cho Vũ Quốc V1 (Tổng giám đốc TIE, Người đại diện vốn của CNS tại TIE) thực hiện giao dịch chuyển nhượng chứng khoán để thoái 50% vốn góp của CNS tại TIE (tương đương 4.785.020 cổ phiếu TIE) và Vũ Quốc V1 đã hoàn tất việc bán 4.785.020 cổ phiếu vào ngày 21/3/2016.

Ngày 22/3/2016, Chu Tiến D - TGĐ CNS ký Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu (không số) gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H và TIE thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch cổ phiếu TIE, có nội dung: *“Số lượng cổ phiếu đã bán là 4.785.020 cổ phiếu; Phương thức giao dịch: Khớp lệnh; Thời gian thực hiện giao dịch là ngày 21/3/2016...”.*

Ngày 21/4/2016, Nguyễn Hoành H ký Văn bản số 370/CNS-HĐTV gửi Ủy ban nhân dân Thành phố M1, Bộ T14 và Cục T17 Doanh nghiệp về việc báo cáo kết quả thoái vốn của CNS tại TIE như sau: *“1. Số lượng cổ phần đã chào bán: 4.785.020 cổ phiếu; 2. Hình thức bán cổ phần: Thực hiện theo phương thức giao dịch khớp lệnh qua hệ thống Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H; 3. Ngày thực hiện giao dịch: 21/3/2016; 4. Giá khớp lệnh: 12.000 đồng/cổ phần; 5. Số tiền CNS thu được từ việc thoái vốn: 57.246.689.400 đồng”.* Hiệu quả tối thiểu đạt được so với giá trị khoản đầu tư tại TIE theo giá trị sổ sách của CNS tại ngày 31/12/2014 là 9.396.489.400 đồng.

Sau khi CNS thoái vốn, Đại hội đồng cổ đông của TIE đã họp và ban hành Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2016, trong đó, quyết nghị chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ là 700 đồng/01 cổ phiếu.

Như vậy, thông qua việc lựa chọn thời điểm, phương án để thực hiện thoái vốn lần 1 tại TIE vào ngày 21/3/2016 nêu trên, CNS đã bị mất quyền nhận cổ tức năm 2015 tại TIE tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu đã bán với số tiền sẽ được hưởng nếu chưa thoái vốn là 3.349.514.000 đồng (4.785.020 cổ phiếu x 700 đồng/cổ phiếu = 3.349.514.000 đồng).

2.2.2. Diễn biến quá trình CNS thực hiện thoái vốn lần 2 tại TIE (giảm tỷ lệ sở hữu vốn góp từ 20% xuống còn 0%), gây thất thoát 1.339.786.000 đồng của CNS:

- Sau ngày 21/3/2016, CNS thoái 50% vốn góp tại TIE, ngày 30/3/2016, Hội đồng thành viên CNS ban hành Quyết định số 360/QĐ-HĐTV cử Hoàng Minh T10 làm người đại diện theo ủy quyền trực tiếp quản lý 20% vốn góp của CNS tại TIE.

Ngày 31/3/2016, sau khi hoàn thành kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 (theo Báo cáo kiểm toán số 0489/2016/BCTC-KTTV ngày 30/3/2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1), TIE gửi Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 cho CNS và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H, đồng thời công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H theo quy định của Luật chứng khoán, trong đó xác định: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 của TIE là 12.133.803.573 đồng.

- Ngày 21/4/2016, Hoàng Minh T10 ký Văn bản số 02/TIE-ĐDV, kèm Báo cáo tài chính năm 2015 của TIE gửi Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS và Tổng giám đốc CNS về việc xin ý kiến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông của TIE sẽ tổ chức vào ngày 28/4/2016, trong đó đề xuất CNS cho ý kiến để người đại diện vốn tham gia biểu quyết phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của TIE, với tỷ lệ đề xuất chia là: 07%/vốn điều lệ (tương đương 700 đồng/01 cổ phiếu). Khi nhận được văn bản này, Nguyễn Hoàng H có bút phê chỉ đạo đề ngày 25/4/2016 nội dung: “*Chuyển: đ/c D - TGD xem, đề xuất, ý kiến*” và Chu Tiến D có bút phê chỉ đạo: “*giao A.Dương PKHKD chuẩn bị văn bản ủy quyền cho người đại diện vốn theo đúng quy định*”.

Ngày 26/4/2016, Chu Tiến D ký Tờ trình số 50/TTr-BTGD đề xuất Hội đồng thành viên CNS và Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS xem xét và ra văn bản chấp thuận theo đề xuất của Người đại diện vốn CNS tại TIE làm cơ sở để Người đại diện vốn CNS đưa ra ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tại TIE, cụ thể: “*Đề nghị Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên chấp thuận: Báo cáo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1; Báo cáo và xin ý kiến về tỷ lệ chia cổ tức năm tài chính 2015 (tỷ lệ% trên vốn điều lệ: 7%) theo Tờ trình số 04/2016/TTr-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần M1...*”. Cùng ngày 26/4/2016, trên cơ sở đề xuất của Chu Tiến D, Nguyễn Hoàng H ký Văn bản số 377/CNS-HĐTV gửi Người đại diện vốn của CNS tại TIE về việc chấp thuận các nội dung theo đề xuất của Chu Tiến D tại Tờ trình số 50/TTr-BTGD ngày 26/4/2016 và giao trách nhiệm cho người đại

diện quản lý vốn của CNS tại TIE thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông TIE.

Sau khi có văn bản chấp thuận của CNS nêu trên, ngày 28/4/2016, TIE đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và ban hành Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ, trong đó quyết nghị: Chia cổ tức năm 2015 cho cổ đông theo tỷ lệ 07%/Vốn điều lệ (tương đương 01 cổ phiếu được nhận 700 đồng).

- Ngày 29/4/2016, Nguyễn Hoàn H ký Văn bản số 380/CNS-HĐTV gửi Ủy ban nhân dân Thành phố M1, Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp về việc xin điều chỉnh tỷ lệ thoái vốn của CNS tại 04 công ty con (Công ty Đ4, Công ty M1, Công ty M1, Công ty C8), trong đó, CNS xin thoái hết vốn tại TIE. Tuy nhiên, tại văn bản này, ông Nguyễn Hoàn H không báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của TIE năm 2015 và phần cổ tức dự kiến mà CNS sẽ được nhận tại TIE, cũng như ảnh hưởng của việc CNS thực hiện thoái vốn tại TIE sẽ bị mất quyền nhận cổ tức năm 2015 tại TIE theo quy định của pháp luật về chứng khoán, doanh nghiệp.

Ngày 28/6/2016, trên cơ sở nội dung báo cáo đề xuất của CNS tại Văn bản số 380/CNS-HĐTV ngày 29/4/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 có Văn bản số 3279/UBND-CNN chấp thuận cho CNS thực hiện thoái hết vốn tại TIE.

Ngày 19/7/2016, CNS có Văn bản số 492/CNS-KHKD gửi Người đại diện vốn của CNS và TIE về việc thực hiện kế hoạch thoái vốn, trong đó đề nghị: *“Thời điểm hoàn thành việc thoái vốn: Năm 2016; Người giữ vốn nhà nước của Tổng Công ty tại TIE cung cấp hồ sơ liên quan cho bên tư vấn phương án thoái vốn; Người giữ vốn nhà nước Tổng Công ty cùng lãnh đạo tại TIE phối hợp bàn bạc với bên tư vấn để xây dựng phương án thoái vốn phù hợp luật định và doanh nghiệp trình Tổng Công ty xem xét quyết định; Công việc và tiến độ thực hiện: Theo Bảng lộ trình công việc dự kiến thoái vốn nhà nước của Tổng Công ty tại TIE đính kèm (dự kiến 07 tuần)...”*. Trong văn bản không có chỉ đạo đánh giá những ảnh hưởng của việc CNS thoái vốn tại TIE.

Ngày 15/8/2016, Hoàng Minh T10 - Người đại diện vốn ký Phương án thoái vốn của CNS tại TIE gửi Hội đồng thành viên CNS đề xuất xem xét, thông qua phương án chuyển nhượng 1.913.980 cổ phiếu TIE để thoái toàn bộ vốn góp còn lại của CNS tại TIE (20% vốn/Vốn điều lệ TIE). Tại văn bản này, ông Hoàng Minh T10 có báo cáo số tiền lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 của TIE, nhưng không tham mưu, đánh giá những ảnh hưởng của việc CNS thoái vốn tại TIE.

Ngày 22/8/2016, sau khi kiểm tra các hạng mục trong Phương án thoái vốn trên, ông Phan Tấn T11 - Đại diện Ban Chỉ đạo tái cơ cấu CNS và đại diện nhóm tổng hợp báo cáo (gồm: Ông Đỗ Văn N2 – Kế toán trưởng, Giám đốc Phòng Tài chính Kế toán CNS, ông Lê Tấn D1, ông Đỗ Trọng T12, bà Hoàng Bích C3 và bà Lương Thị Ánh N3) ký Báo cáo số 09.34/KHKD gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Ban Chỉ đạo tái cơ cấu CNS về việc xem xét phương án thoái vốn của CNS tại TIE. Trong đó, ông Đỗ Văn N2 là Kế toán trưởng, biết rõ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty M1 là

12.133.803.573 đồng nhưng N2 vẫn ký đề xuất trình bị cáo Chu Tiến D – Tổng giám đốc CNS chấp thuận phương án thoái 20% của CNS tại Công ty M1 do Hoàng Minh T10 lập mà không đề xuất điều chỉnh phương án, chọn thời điểm thoái vốn để CNS được nhận cổ tức năm 2015 tại TIE.

Ngày 25/8/2016, mặc dù biết rõ CNS chưa nhận được cổ tức năm 2015 tại TIE do TIE chưa tổ chức chia cổ tức, nhưng Chu Tiến D – Tổng giám đốc CNS vẫn ký Tờ trình số 104/TTr-BTGD đề xuất Hội đồng thành viên CNS và Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS cho thực hiện thoái vốn theo phương án do người đại diện vốn đề xuất mà không đề xuất Hội đồng thành viên điều chỉnh phương án, chọn thời điểm thoái vốn để CNS được nhận cổ tức năm 2015 tại TIE.

Căn cứ Tờ trình số 104/TTr-BTGD ngày 25/8/2016 của Chu Tiến D, ngày 29/8/2016, Nguyễn Hoàn H thay mặt Hội đồng thành viên CNS không triệu tập, tổ chức họp Hội đồng thành viên hoặc lấy phiếu ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên CNS trước khi ban hành theo quy định của Điều 79, 94, 96, 97 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ CNS mà ký Nghị quyết số 453/CNS-HĐTV chấp thuận phương án thoái vốn, trong đó có nội dung: *“Giao Tổng Giám đốc CNS thực hiện Quyết định này; Nghị quyết này được thông báo đến các thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Công ty CP M1 và Người đại diện vốn của CNS tại TIE để triển khai chỉ đạo theo chức trách”*. Cùng ngày 29/8/2016, mặc dù biết rõ CNS chưa nhận được cổ tức năm 2015 tại TIE, nhưng Nguyễn Hoàn H vẫn ký Văn bản số 454/CNS-HĐTV đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố M1 và Sở Tài chính Thành phố H chấp thuận phương án thoái vốn theo phương án do người đại diện vốn xây dựng mà không báo cáo đề xuất việc CNS còn lợi ích phát sinh từ đầu tư vẫn chưa nhận được tại TIE (cổ tức năm 2015) và cũng không đề xuất xin điều chỉnh phương án, thời điểm thoái vốn để bảo vệ lợi ích của CNS tại TIE.

Ngày 07/10/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 ban hành Văn bản số 5575/UBND-KT về phương án thoái vốn tại TIE của CNS, trong đó có ý kiến như sau: *“Giao Hội đồng thành viên CNS chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thực hiện thoái vốn tại TIE theo đúng quy định tại Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn nhà nước ở mức cao nhất, lưu ý về giá bán cổ phiếu”*.

Ngày 26/10/2016, trên cơ sở Văn bản số 5575/UBND-KT ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 và Nghị quyết số 453/CNS-HĐTV ngày 29/8/2016 do Nguyễn Hoàn H ký thay mặt Hội đồng thành viên CNS, Chu Tiến D ký Giấy ủy quyền cho Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng CNS thực hiện các thủ tục giao dịch bán 1.913.980 cổ phiếu để thoái vốn (tương đương 20% vốn điều lệ TIE).

Ngày 28/10/2016, căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của TIE, Hội đồng quản trị TIE ra Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐQT, về việc thanh toán cổ tức cho

cổ đông theo tỷ lệ 7%/cổ phiếu, ngày chốt Danh sách chi trả cổ tức là 16/11/2016 và thời gian chi trả cổ tức từ ngày 28/11/2016.

Ngày 01/11/2016, mặc dù TIE đã chốt phương án chia cổ tức và CNS vẫn chưa nhận được cổ tức từ TIE, nhưng Chu Tiến D vẫn ký Thông báo (không số) gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố H và TIE, thông tin về việc CNS bán cổ phiếu TIE và thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: *Từ ngày 07/11/2016 đến 06/12/2016*. Ngày 03/11/2016, với tư cách thành viên Hội đồng quản trị TIE, Hoàng Minh T10 đã tham gia họp Hội đồng quản trị TIE và thống nhất ban hành Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị TIE hủy bỏ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐQT ngày 28/10/2016 của Hội đồng quản trị TIE về việc thanh toán cổ tức năm 2015 để dời ngày chốt Danh sách cổ đông để chi trả cổ tức và thời gian chi trả cổ tức TIE năm 2015, với lý do: *“Theo Báo cáo tài chính Quý III/2016, hiện TIE chưa có đủ nguồn để thực hiện cho trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật...”*, đồng thời đăng các thông tin trên cổng thông tin điện tử của TIE và gửi các Nghị quyết này đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố H, Trung tâm L5 - Chi nhánh Thành phố H để thông báo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của TIE và khoản 4 Điều 132 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì chậm nhất là ngày 29/11/2016, TIE phải thanh toán tiền cổ tức năm 2015 cho CNS, cụ thể: *“Điều 132 (Trả cổ tức): 4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên...”*, nhưng đến ngày 27/12/2016, CNS vẫn chưa nhận được số tiền cổ tức được chia từ TIE. Do vậy, theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ T14 hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (CNS nhận được Thông tư này vào ngày 28/4/2016), thì các cá nhân liên quan trong việc theo dõi, quản lý vốn của CNS đầu tư tại TIE (gồm: Nguyễn Hoàn H, Chu Tiến D, Đỗ Văn N2, Hoàng Minh T10) phải có trách nhiệm đề nghị, đôn đốc TIE nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của CNS, cụ thể: *“Khoản 3 Điều 4: Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia của các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn M1 hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ: Công ty mẹ hạch toán các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn M1 có vốn góp của công ty mẹ vào doanh thu tài chính, xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp theo quy định. Thời điểm hạch toán cổ tức, lợi nhuận được chia vào doanh thu tài chính của công ty mẹ là thời điểm nhận được thông báo chia cổ tức, lợi nhuận của Hội đồng quản trị (đối với cổ tức được chia tại công ty cổ phần M1)... Công ty mẹ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty M1 hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đôn đốc công ty cổ phần, công ty M1 hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của công ty mẹ về công ty mẹ. Trường hợp công ty cổ phần, công ty M1 hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công*

ty mẹ vi phạm thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì công ty mẹ có trách nhiệm báo cáo Bộ T14 và cơ quan chủ quản của công ty mẹ để xử lý theo quy định của pháp luật... ”. Tuy nhiên, các cá nhân này không thực hiện việc đề nghị, đơn đốc TIE nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của CNS, không báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố M1 để bảo vệ lợi ích của CNS trước khi thoái vốn theo quy định.

Ngày 27/12/2016, mặc dù biết rõ việc CNS vẫn chưa nhận được cổ tức năm 2015 tại TIE và TIE đã trễ hạn phải thanh toán cổ tức cho CNS nêu trên, nhưng Đỗ Văn N2 vẫn thực hiện giao dịch bán 1.913.980 cổ phiếu TIE để thoái vốn (tương đương 20% vốn điều lệ TIE).

Ngày 28/12/2016, Chu Tiến D ký Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu (không số) gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố H và TIE thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch cổ phiếu TIE, có nội dung: *“Số lượng cổ phiếu đã bán là 1.913.980 cổ phiếu; Mục đích thực hiện giao dịch: Thực hiện thoái vốn Nhà nước do CNS nắm giữ tại TIE theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp trong giai đoạn 2013 - 2015; Phương thức giao dịch: Khớp lệnh; Thời gian thực hiện giao dịch là ngày 27/12/2016...”*.

Ngày 30/12/2016, Nguyễn Hoàng H ký Văn bản số 508/CNS-HĐTV gửi Bộ T14, Ủy ban C10 và Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về việc báo cáo kết quả thoái vốn của CNS tại TIE như sau: *“1. Số lượng cổ phần đã chào bán: 1.913.980 cổ phiếu; 2. Hình thức bán cổ phần: Thực hiện theo phương thức giao dịch khớp lệnh qua hệ thống Sở G; 3. Ngày thực hiện giao dịch: 27/12/2016; 4. Giá khớp lệnh: 10.800 đồng/cổ phần; 5. Số tiền Tổng Công ty thu được từ việc thoái vốn: 20.594.306.540 đồng; Lãi đạt được so với giá khoản đầu tư tại TIE theo giá trị sổ sách của CNS là 1.454.506.540 đồng”*.

Ngày 22/02/2017, Hội đồng quản trị TIE ra Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT về việc thanh toán cổ tức năm 2015, trong đó chốt Danh sách chi trả cổ tức là 09/3/2017 và thời gian chi trả cổ tức từ ngày 28/3/2017. Tại thời điểm này do CNS đã chuyển nhượng hết cổ phiếu sở hữu tại TIE, nên CNS bị mất quyền hưởng cổ tức năm 2015 tại TIE. Trong Quý I, TIE đã hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.

Như vậy, thông qua việc lựa chọn thời điểm, phương án để thực hiện thoái vốn lần 2 tại TIE vào ngày 27/12/2016 nêu trên, CNS đã bị mất quyền được nhận cổ tức năm 2015 tại TIE tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu đã bán là: 1.339.786.000 đồng (1.913.980 cổ phiếu x 700 đồng/cổ phiếu).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng H11, Chu Tiến D và Đỗ Văn N2 đã vi phạm ⁽¹⁾Điều 30, Điều 44, Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; ⁽²⁾Điều 96 Luật doanh nghiệp 2014; ⁽³⁾Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; ⁽⁴⁾Điều 9 Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ T14 ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và được cụ thể hoá

tại Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn CNS đầu tư vào doanh nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 92/CNS-HĐTV ngày 15/9/2014 của Hội đồng thành viên CNS); ⁽⁵⁾Điều 6 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ T14 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; ⁽⁶⁾Điều 4 Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ T14 hướng dẫn thu nộp các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; ⁽⁷⁾Điều 7 Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên CNS (được ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2012 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty C5); ⁽⁸⁾ Điều 54 Quy chế quản lý tài chính của CNS (được ban hành theo Quyết định số 58/CNS-HĐTV ngày 06/11/2013 của Hội đồng thành viên CNS); ⁽⁹⁾Điều 20 Điều lệ của CNS (được ban hành theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1) liên đới với các bị cáo Vũ Quốc V1, Hoàng Minh T10, Phạm Thúy O gây thất thoát cho nhà nước 4.689.300.000 đồng.

Hành vi của Vũ Quốc V1, Hoàng Minh T10, Phạm Thúy O đã vi phạm: ⁽¹⁾Điều 49 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; ⁽²⁾Điều 8, Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ T14 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; ⁽³⁾Điều 6, Điều 9 Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ T14 ban hành quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn CNS đầu tư vào doanh nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 92/CNS-HĐTV ngày 15/9/2014 của HĐTV CNS); ⁽⁴⁾Điều 11 Quy chế Quản lý tài chính của CNS (được ban hành theo Quyết định số 58/CNS-HĐTV ngày 06/11/2013 của Hội đồng thành viên CNS); ⁽⁵⁾Điều 40 Điều lệ CNS (được ban hành theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố M1). Trong đó, Hoàng Minh T10 liên đới với các bị cáo khác gây thất thoát 4.689.300.000 đồng cho nhà nước.

2.3. Kết quả trưng cầu giám định và thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm:

2.3.1. Kết quả trưng cầu giám định

- ⁽¹⁾ Tại Kết luận giám định ngày 24/5/2022, Giám định viên thuộc Bộ T14 đã kết luận: “...thông qua 02 lần thực hiện thoái vốn của CNS tại TIE, các cá nhân là Người đại diện phần vốn của CNS tại TIE và Hội đồng thành viên của CNS đã làm thiệt hại cho với tổng số tiền là 4.689.300.000 đồng. Trách nhiệm này thuộc về Nhóm người đại diện/Người đại diện phần vốn của CNS tại TIE không báo cáo, đề xuất kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến quyền lợi của doanh nghiệp cử làm người đại diện dẫn đến Hội đồng thành viên CNS

không kịp thời có các biện pháp ngăn chặn nguy cơ thiệt hại trong việc quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 49 Luật số 69/2014/QH13. Hội đồng thành viên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước được quy định tại khoản 2 Điều 96 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 44 Luật số 69/2014/QH13”.

- ⁽²⁾ Kết quả giám định dữ liệu điện tử của P2 Bộ C4 tại Tp . Hồ Chí Minh đối với: Ổ cứng di động do bị cáo Đỗ Văn N2 quản lý, sử dụng (Cơ quan An ninh điều tra Bộ C4 tạm giữ khi khám xét nơi làm việc của bị cáo Đỗ Văn N2 tại CNS), đã phát hiện có lưu trữ tài liệu, gồm:

+ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15//12/2015 của Bộ T14 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Trên văn bản này, có đóng dấu “VĂN BẢN ĐẾN; số 191 ngày 22/02/2016” của CNS;

+ Phiếu đề xuất xử lý văn bản đến của CNS đối với “Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15//12/2015 của Bộ T14”, có ghi nội dung công việc cần thực hiện: “1. K/c A.D - TGD để b/c; 2. Chuyển P.TCKT n/cứu, tham mưu triển khai thực hiện”. Trên văn bản này, có chữ ký của Chu Tiến D tại mục “Bút phê của Ban Tổng Giám đốc”.

2.3.2. Tài liệu chứng cứ khác

- Tại Văn bản số 194/VSD-ĐK ngày 09/8/2021, Trung tâm L5 (VSD) xác định: “Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ T14: Chỉ những người có tên trên Danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD lập vào ngày đăng ký cuối cùng mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán mà mình sở hữu. Vì vậy, trường hợp CNS đã bán toàn bộ cổ phiếu TIE trước thời điểm chốt danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng 09/3/2017 thì không được nhận tiền cổ tức. Liên quan đến việc thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền, VSD không nhận được văn bản kiến nghị, khiếu nại nào của CNS về vấn đề này”.

- Tại Văn bản số 5252/UBCK-GSĐC ngày 13/9/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác định: “Theo quy định, các cổ đông thực hiện giao dịch bán cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền (trước ngày đăng ký cuối cùng 01 ngày) sẽ không được hưởng cổ tức chi trả cho phần cổ phiếu sở hữu trước đó. Kể từ năm 2015 đến nay, Ủy ban chứng khoán Nhà nước không nhận được văn bản kiến nghị, khiếu nại của CNS về việc TIE không chi trả cổ tức cho CNS”.

- Tại các Văn bản: số 759/SGDHCM-NY ngày 10/6/2021, số 1390/SGDHCM-NY ngày 27/10/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Hội đồng quản trị TIE đã ban hành các Nghị quyết về việc thanh toán cổ tức năm 2015 (cụ thể: Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 03/11/2016; Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 22/02/2017): Đây là các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm k

khoản 3 Điều 25 - Điều lệ TIE ban hành tháng 4/2016, phù hợp với quy định tại điểm o khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014. Từ năm 2016, đến thời điểm TIE bị hủy niêm yết, Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố H không nhận được văn bản khiếu nại của CNS về việc TIE không chi trả cổ tức năm 2015”.

- Tại các Văn bản: Số 11/2021/CV-TIE ngày 27/3/2021, số 01/2022/CV-TIE ngày 05/01/2022, số 04-1/2022/CV-TIE ngày 27/01/2022, TIE xác định: Giá trị lợi nhuận sau thuế năm 2015 của TIE là **12.133.803.573 đồng** và tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 cho cổ đông là 700 đồng/01 cổ phiếu (theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên TIE năm 2016). Trong Q I/năm 2017, TIE đã chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông và CNS không được nhận tiền cổ tức từ TIE, do CNS đã thoái hết vốn tại TIE nên không còn là cổ đông của TIE tại thời điểm TIE chốt Danh sách cổ đông để chi trả cổ tức. Ngoài ra, tại Văn bản số 04-1/2022/CV-TIE ngày 27/01/2022 của TIE xác định: Sau khi kết thúc năm tài chính 2015, TIE và Người đại diện vốn của CNS có thực hiện việc gửi tài liệu, báo cáo cho CNS để báo cáo tình hình, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, gồm: ⁽¹⁾Báo cáo tài chính quý, năm 2015; ⁽²⁾Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015; ⁽³⁾Báo cáo một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu thực hiện tháng 12/2015; ⁽⁴⁾Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính quý 4 năm 2015 do nhóm Người đại diện vốn nhà nước tại TIE lập; ⁽⁵⁾Báo cáo giám sát tài chính của doanh nghiệp có vốn góp chi phối năm 2015.

- Tại các Văn bản: Số 329/CNS-PCHE ngày 24/6/2021, số 276/CNS-PCHE ngày 19/5/2022, số 346/CNS-CQVP ngày 21/6/2022 và Biên bản làm việc ngày 16/6/2022 của CNS:

+ Văn bản số 329/CNS-PCHE ngày 24/6/2021, CNS xác định: “Ngày 28/12/2016, CNS đã có văn bản số 878/CNS-TCKT đề nghị TIE chuyển trả ngày toàn bộ số tiền cổ tức năm 2015 mà CNS được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/4/2016. Tại văn bản phúc đáp của TIE (số 01/2017/CV-TIE ngày 03/01/2017) gửi CNS có nội dung: Hội đồng quản trị TIE đã có Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 03/11/2016 hủy bỏ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐQT ngày 28/10/2016 về thanh toán cổ tức năm 2015 với lý do theo Báo cáo tài chính Quý III/2016, TIE chưa có đủ nguồn để thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của TIE và đã báo cáo đến Ủy ban C10, Sở G1 - Chi nhánh Thành phố H. Đối với việc chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông TIE, Hội đồng quản trị sẽ xem xét trong thời gian sớm nhất khi có nguồn lợi nhuận sau thuế; việc chi trả cổ tức cho cổ đông, TIE sẽ thực hiện theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam quy định và dựa trên danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố H cấp vào thời điểm chốt danh sách cổ đông với mục đích chi trả cổ tức.

Ngày 22/02/2017, TIE ban hành văn bản số 14/2017/CV-TIE công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố H, nội dung công bố: Căn cứ Nghị quyết số

01/2017/NQ-HĐQT ngày 22/02/2017, Hội đồng quản trị TIE đã thống nhất thanh toán cổ tức năm 2015 với các nội dung như sau: Ngày chốt danh sách chi trả cổ tức 09/3/2017; Tỷ lệ thanh toán: 7%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 700 đồng); Thời gian chi trả cổ tức: từ ngày 28/3/2017...

Như vậy, với nội dung Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 22/02/2017 của Hội đồng quản trị TIE thì thời điểm chốt danh sách chi trả cổ tức (09/3/2017), do CNS đã thoái vốn khỏi TIE từ ngày 27/12/2016 nên CNS không nhận được cổ tức năm 2015. Về vấn đề này, CNS đang nghiên cứu các quy định pháp luật về bảo đảm quyền lợi cổ tức của các cổ đông để tiếp tục khiếu nại yêu cầu TIE xem xét giải quyết cổ tức năm 2015 cho CNS theo đúng pháp luật... ”.

+ Văn bản số 276/CNS-PCHE ngày 19/5/2022, CNS xác định: “Do TIE là công ty đại chúng (mã chứng khoán: TIE) và được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP ., nên CNS tiếp cận các hồ sơ do TIE công bố thông qua các cổng thông tin điện tử...

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ của CNS và các bộ phận liên quan đến thời điểm hiện nay, CNS có các Báo cáo như sau: 1. Báo cáo một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu thực hiện tháng 12/2015 số 67/2015/Bị CÁO-TIE ngày 29/12/2015. Trên cơ sở báo cáo của TIE và các đơn vị khác, Phòng Kế toán CNS đã tổng hợp báo cáo cho Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên và Thường trực Đảng ủy CNS tại Báo cáo số 440/Bị CÁO-CNS ngày 11/12/2015; 2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của TIE (số liệu tạm thống nhất với đơn vị kiểm toán để CNS báo cáo tài chính của CNS). Trên cơ sở Báo cáo tài chính của TIE và các đơn vị khác, Phòng Kế toán CNS đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được công bố thông tin theo quy định.

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng, hiện không tìm thấy hồ sơ Hội đồng quản trị chỉ đạo người Đại diện vốn CNS tại TIE đối với phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015, tuy nhiên có 01 bộ hồ sơ gửi người đại diện vốn CNS tại TIE về ý kiến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tại TIE (văn bản số 377/CNS-HĐTV ngày 26/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty) ”.

+ Văn bản số 346/CNS-CQVP ngày 21/6/2022, CNS xác định: “Qua rà soát từ các phòng ban chức năng tại CNS có ghi nhận tiếp nhận một số báo cáo, tài liệu, cụ thể: (1) Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của TIE (số liệu tạm tính thống nhất báo cáo tài chính của CNS); (2) Báo cáo số 64/2015/Bị CÁO-TIE ngày 25/12/2015 tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm năm 2016 của TIE; (3) Báo cáo số 67/2015/Bị CÁO-TIE ngày 29/12/2015 về một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu thực hiện tháng 12/2015 của TIE.

Trong Phương án thoái vốn đợt 1 không đề cập đến việc xử lý cụ thể đối với phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TIE để báo cáo Hội đồng thành viên CNS. Phương án thoái vốn lần 1 đã được Hội đồng thành viên CNS chấp thuận tại Nghị quyết số 216/CNS-HĐTV ngày 02/7/2015 và Quyết định số 331/CNS-HĐTV ngày 22/02/2016.

Bên cạnh đó, tại Tờ trình số 50/TTr-BTGD ngày 26/4/2016 do Tổng Giám đốc CNS - Chu Tiến D ký trình Hội đồng thành viên CNS, Chủ tịch Hội đồng thành viên CNS đề xin ý kiến về nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tại TIE, cũng như Văn bản số 377/CNS-HĐTV ngày 26/4/2016 của Chủ tịch Hội - Nguyễn Hoàng H ký gửi Người đại diện vốn tại TIE không đề cập đến nội dung về phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2015.

Ngày 15/8/2016, TIE đã có Phương án về thoái vốn CNS tại TIE do Người đại diện vốn tại TIE (ông Hoàng Minh T10) ký trình Hội đồng thành viên CNS (gọi tắt là Phương án thoái vốn lần 2), trong đó ghi nhận giá trị lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Bảng cân đối kế toán của TIE như sau: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ghi nhận tại Phương án thoái vốn Đợt 2 - thời điểm ngày 31/12/2015 là 12.548.070.000 đồng... Trong Phương án thoái vốn đợt 2 không đề cập đến việc xử lý cụ thể đối với phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TIE để báo cáo Hội đồng thành viên CNS (Phương án thoái vốn lần 2 đã được Hội đồng thành viên CNS chấp thuận tại Nghị quyết số 453/CNS-HĐTV ngày 29/8/2016).

Qua rà soát, đánh giá quá trình xây dựng, triển khai Phương án thoái vốn đợt 1 và đợt 2 như phân tích ở trên không ghi nhận nội dung chỉ đạo của Hội đồng thành viên CNS đối với Người đại diện vốn tại TIE cũng như các cá nhân, bộ phận liên quan thực hiện các biện pháp, phương án đối với phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 tại TIE (12.133.803.573 đồng)...

+ Biên bản làm việc ngày 16/6/2022, CNS xác định: “Trong năm 2015, Hội đồng thành viên CNS có tổ chức 06 cuộc họp; năm 2016, Hội đồng thành viên CNS có tổ chức 02 cuộc họp; năm 2017, Hội đồng thành viên CNS có tổ chức 03 cuộc họp. CNS xin cung cấp Sổ ghi biên bản họp Hội đồng thành viên CNS năm 2015, 2016 và năm 2017, gồm: 31 tờ (có thống kê kèm theo), là bản photo có đóng dấu treo của CNS và chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Phương Đ1 - Tổng giám đốc CNS trên từng trang. Qua kiểm tra Sổ ghi biên bản họp Hội đồng thành viên CNS, CNS xác định: ⁽¹⁾Đối với “Quyết định số 331/CNS-HĐTV ngày 22/02/2016 về việc chấp thuận phương án thoái vốn CNS tại TIE”, do Chủ tịch Hội đồng thành viên (ông Nguyễn Hoàng H) ký ban hành, trên cơ sở “Tờ trình số 13 ngày 19/02/2016 của Tổng Giám đốc CNS” do ông Chu Tiến D ký. ⁽²⁾Đối với “Nghị quyết số 453/CNS-HĐTV ngày 29/8/2016 về việc chấp thuận phương án thoái vốn CNS tại TIE”, do Chủ tịch Hội đồng thành viên (ông Nguyễn Hoàng H) ký ban hành, trên cơ sở “Tờ trình số 104/TTr-BTGD ngày 25/8/2016 của Tổng Giám đốc CNS” do ông Chu Tiến D ký.

Trước khi ban hành 02 văn bản trên, Hội đồng thành viên CNS không tổ chức họp, không tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thành viên CNS. Sau khi ban hành, Q1 định/Nghị quyết trên có gửi cho các cá nhân, bộ phận liên quan để thực hiện, gồm: Thành viên Hội đồng thành viên CNS, Tổng Giám đốc CNS, Công ty Cổ phần M1 và người đại diện vốn của CNS tại TIE để biết và thực hiện. Tuy nhiên, việc giao, nhận văn bản này không có lập Biên bản và cũng không cho người nhận ký nhận tài liệu, nên CNS không có tài liệu

chứng minh việc giao nhận tài liệu để cung cấp cho Cơ quan An ninh điều tra Bộ C4.

Đối với việc quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động sản xuất, kinh doanh của TIE và Người đại diện vốn của CNS tại TIE: Theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ của CNS, Hội đồng thành viên CNS là tập thể quản lý trực tiếp đối với hoạt động của TIE và người đại diện vốn của CNS tại TIE. Giai đoạn 2015-2017, Hội đồng thành viên CNS hoạt động theo chế độ tập thể, không phân công cá nhân phụ trách cụ thể đối với hoạt động của các công ty con và người đại diện vốn.

Đối với việc theo dõi, giám sát việc đầu tư vốn và thu hồi cổ tức được chia từ phần vốn góp của CNS tại TIE: Phòng Tài chính - Kế toán do ông Đỗ Văn N2 - Kế toán trưởng phụ trách là bộ phận chuyên môn trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này”.

- Tại Văn bản số 1393/BKHĐT-ĐKKD ngày 07/3/2022, Bộ K2 và Đầu tư xác định: “Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty. Điểm o khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định một trong những quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị là quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức. Điểm h khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định một trong những quyền của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty cổ phần M1 là kiến nghị phương án trả cổ tức...”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 258/2023/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt **Nguyễn Hoàng H** 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt **Nguyễn Hoàng A1** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 4, Điều 219 Bộ luật hình sự

Cấm bị cáo Nguyễn Hoàng A1 đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt **Lê Viết B** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 4, Điều 219 Bộ luật hình sự

Cấm bị cáo Lê Viết B đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 07 bị cáo Chu Tiến D, Đỗ Văn N2, Hoàng Minh T10, Nguyễn Đức V, Phạm Thúy O, Vũ Lê T1 và Huỳnh Tấn T2; Trách nhiệm dân sự; Xử lý vật chứng; Án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 01/6/2023 đến ngày 05/6/2023 các bị cáo Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Hoàng H và Lê Viết B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 05/6/2023 bị cáo Chu Tiến D kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 23/6/2023 bị cáo có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

- Ngày 05/6/2023 bị cáo Hoàng Minh T10 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 18/10/2023 bị cáo Hoàng Minh T10 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Hoàng A1 và Lê Viết B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của các bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng H: Hành vi của các bị cáo đã gây thất thoát cho CNS, tội phạm hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù là có căn cứ. Do thiệt hại đã được khắc phục hoàn toàn nên số tiền 200.000.000 đồng bị cáo nộp thêm tại cấp phúc thẩm không được xem là tình tiết giảm nhẹ mới.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng A1: Bị cáo giữ chức vụ Chánh văn phòng tại thời điểm tháng 10/2016, đã ký 04 tờ trình đề CNS duyệt chi tiền với số tiền hơn 02

tỷ đồng, sau đó với tư cách Phó Tổng giám đốc CNS bị cáo ký duyệt 44 phiếu chi, bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức cho Chu Tiến D, gây thất thoát hơn 11 tỷ đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo cho bị cáo.

- Bị cáo Lê Viết B: Bị cáo gây thất thoát hơn 1,3 tỷ đồng cho CNS, là đồng phạm giúp sức cho Chu Tiến D. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Nhưng so với bị cáo Nguyễn Đức V với chức vụ là Chánh văn phòng đã gây thất thoát số tiền hơn 04 tỷ đồng nhưng chỉ bị xử phạt 03 năm tù và cho hưởng án treo thì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo B là không phù hợp, để đảm bảo công bằng vai trò phạm tội của từng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàn H, Nguyễn Hoàng A1; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Viết B, cho bị cáo B được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàn H phát biểu: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H có khắc phục thêm 200.000.000 đồng, mặc dù số tiền khắc phục trong vụ án đã vượt xa thiệt hại, nhưng điều này thể hiện nhận thức của bị cáo đối với hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết mới. Ngoài ra, bị cáo có nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng và chăm sóc 6 gia đình liệt sỹ được chính quyền địa phương xác nhận. Bản thân bị cáo có nhiều bệnh, hiện nay đã 65 tuổi là thuộc trường hợp người cao tuổi.

Trong vụ án này thiệt hại kinh tế đã được giải quyết triệt để. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do nhận thức không đúng năng lực yếu kém, chứ bản thân bị cáo không có vụ lợi. Bản thân bị cáo có chỗ ở rõ ràng, không có lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, chấp hành tốt chính sách địa phương, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51 và chỉ có một tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về việc cho hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Hoàn H trình bày: Bản thân bị cáo đã lớn tuổi, cũng đã về hưu, việc làm sai thì bị cáo cũng đã nhận sai, bị cáo phạm tội là vô tình để sai sót xảy ra. Hiện nay bản thân bị cáo có nhiều bệnh như: Hen suyễn, huyết áp cao thường xuyên, nếu bị áp dụng hình phạt tạm giam thì khó khăn đối với sức khỏe bị cáo. Xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tính khoan hồng của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng A1 phát biểu: Trong suốt quá trình điều tra bị cáo A1 thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan điều tra, có nhiều đóng góp cho CNS và Ủy ban nhân dân Thành phố M1, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A1 có nộp giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện N vì bị cáo A1 có công truy bắt người trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết mới. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự nhầm lẫn trong việc nhận định vai trò của bị cáo A1 tại CNS. Tại trang 41 bản án sơ thẩm nhận định bị cáo A1 là Phó Tổng giám đốc thường trực CNS là không đúng, vì bị cáo chỉ mới bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ tháng 6/2016 và chỉ là Phó Tổng giám đốc thường. Trong quy định của CNS có quy định rõ trách nhiệm quyền hạn của Phó Tổng giám đốc thường trực và Phó Tổng giám đốc thường, theo đó Phó Tổng giám đốc thường trực là người chịu trách nhiệm ban hành quy chế trong đó có quy chế khen thưởng. Việc bị cáo A1 ký vào chứng từ thu chi khi các chứng từ đã được Tổng giám đốc phê duyệt, là thực hiện chức năng nhiệm vụ phân công không ảnh hưởng đến nội dung, chỉ là thủ tục hành chính vì bị cáo chỉ ký nhưng không nhận tiền, không chi tiền. Việc không ban hành quy chế khen thưởng theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP là sai, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo A1 chỉ là Phó Tổng giám đốc bình thường không thuộc thành phần soạn thảo ban hành quy chế của CNS, bị cáo chỉ có hành vi ký chứng từ, là thủ tục hành chính nội bộ mà không kiểm tra xem xét quy định pháp luật.

Mức án của các bị cáo trong vụ án chưa được công bằng, các bị cáo đầu vụ có 02 hành vi sai phạm thì bản án sơ thẩm nhận định rất nhân văn, xem xét thấu tình đạt lý, đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhưng so sánh với bị cáo A1 thì mức án bị cáo là quá nặng, khi bị cáo chỉ có 01 hành vi phạm tội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo: Bị cáo có 02 con nhỏ, con nhỏ mới hơn 20 tháng tuổi, vợ bị cáo bị bệnh hậu sản.

Như vậy, bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ, trong vụ án này thì hậu quả đã được khắc phục hoàn toàn, các bị cáo không hề có vụ lợi cá nhân, đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Ngoài ra, bị cáo A1 còn có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là người phạm tội lập công chưa được áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo A1 được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Hoàng A1 trình bày: Trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo đã nhận ra sai lầm, xin xem xét vai trò của bị cáo là thứ yếu, không có vụ lợi, để bị cáo được hưởng án treo nuôi con nhỏ, chăm sóc cha mẹ già.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Viết B phát biểu: Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa xem xét 02 tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo B là bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, và gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Toàn bộ văn bản tài liệu triển khai Nghị định 91/2015/NĐ-CP (nếu có) được thực hiện trước thời điểm bị cáo Ba công tác tại CNS, với trường hợp này thì tương tự với bị cáo Nguyễn Đức V, vì bị cáo V làm việc tại CNS sau khi Nghị định 91/2015/NĐ-CP được ban hành. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định CNS đã có tờ trình trình Ủy ban nhân dân Thành phố M1 về triển khai

Nghị định 91/2015/NĐ-CP, nhưng chưa được phê duyệt nên CNS vẫn thực hiện theo quy trình từ trước. Thời điểm ngày 27/4/2016 bị cáo Ba chưa công tác tại CNS, bị cáo Ba công tác từ tháng 10/2016 nên chỉ là người thừa hành, thực hiện công việc theo quy trình trước đó. Bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả.

Bị cáo Ba không phải là Phó trưởng phòng tài chính duy nhất ở CNS, và là người có ít kinh nghiệm làm việc CNS với vai trò Phó trưởng phòng tài chính kế toán, bị cáo không có tư lợi, động cơ cá nhân, bị cáo B không có thẩm quyền lập tờ trình, phiếu chi, được lập ở tất cả các phòng ban của CNS.

Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo chỉ có hơn 01 năm làm việc tại CNS, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, gia đình neo người, 02 con trai bị cáo còn nhỏ chỉ mới 07 tuổi và 09 tuổi, bị cáo B là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón các con đi học, xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ, xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Hoàng H và Lê Viết B làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Chu Tiến D và Hoàng Minh T10 cũng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng các bị cáo D, bị cáo T10 đã có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Chu Tiến D và Hoàng Minh T10.

[2] Trong thời gian từ năm 2015 đến 2018, các bị cáo Chu Tiến D, Nguyễn Hoàng H, Đỗ Văn N2, Nguyễn Hoàng A1, Vũ Lê T1, Phạm Thúy O, Nguyễn Đức V, Hoàng Minh T10, Lê Viết B và Huỳnh Tấn T2 đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí với tổng số tiền: 22.032.520.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 13/10/2015 chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân Thành phố M1 cũng đã có Văn bản số 7585/UBND-CNN gửi CNS triển khai để thực hiện Nghị định này. Theo đó, các bị cáo là lãnh đạo CNS, lãnh đạo Phòng tài chính - Kế toán CNS và Văn phòng CNS biết rõ CNS phải ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng mới, quy định cụ thể mức thưởng theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP thay thế Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng cũ đã hết hiệu lực, để quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng đúng quy định nhưng các bị cáo là lãnh đạo của CNS không những không thực hiện mà còn thống nhất trong Ban lãnh đạo CNS về việc sử dụng nguồn tiền từ Quỹ khen thưởng CNS phục vụ các công tác đối

ngoại, ngoại giao trái quy định, nên khi có sự đề xuất của các Phòng/Ban thuộc CNS về đơn vị, cá nhân cần chi mặc dù không có tài liệu, chứng từ chứng minh nghiệp vụ kinh tế phát sinh (như: Không có danh sách, chữ ký xác nhận việc nhận tiền của đối tượng được khen thưởng; Hồ sơ không ghi rõ thông tin cá nhân, đơn vị được khen thưởng; Không ghi thông tin về lý do khen thưởng...) nhưng các bị cáo trong Ban Giám đốc CNS, Phòng Kế toán-Tài chính không kiểm tra, xem xét việc chi thưởng theo đúng quy định mà vẫn ký Tờ trình, Phiếu chi, tiếp đó các bị cáo cũng không kiểm tra việc sử dụng tiền chi thưởng (Tất cả các bộ hồ sơ chi thưởng đều không có Danh sách cá nhân được khen thưởng ký nhận cụ thể) gây thất thoát cho CNS số tiền 17.343.220.000 đồng.

- Năm 2015-2016, Ủy ban nhân dân Thành phố M1 có chủ trương về việc thực hiện kế hoạch tái cơ cấu, thoái vốn đầu tư của CNS tại TIE, mặc dù Ủy ban nhân dân Thành phố M1 đã có văn bản chỉ đạo nêu rõ “Giao Hội đồng thành viên CNS chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thực hiện thoái vốn tại TIE theo đúng quy định tại Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, bảo toàn vốn nhà nước ở mức cao nhất, lưu ý về giá bán cổ phiếu”. Tuy nhiên, các cá nhân là lãnh đạo CNS (gồm: Nguyễn Hoàng H, Chủ tịch Hội đồng thành viên ; Chu Tiến D, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên; Đỗ Văn N2, Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng thành viên) và người đại diện quản lý vốn của CNS tại TIE (gồm: Vũ Quốc V1, Phạm Thúy O, Hoàng Minh T10) đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố M1 liên quan trong việc quản lý vốn đầu tư của CNS tại TIE. Các bị cáo đã tiến hành thoái vốn của CNS tại TIE nhưng không bảo đảm cho CNS được quyền hưởng phần lợi tức phát sinh từ cổ phần tại công ty M1 (với tư cách cổ đông sở hữu tỷ lệ 70% vốn góp tại TIE), các bị cáo mặc dù biết công ty M1 sẽ chia cổ tức nhưng không điều chỉnh thời điểm, phương án thoái vốn để CNS nhận được cổ tức năm 2015 từ TIE, hành vi của các bị cáo đã gây thất thoát 4.689.300.000 đồng cho CNS thông qua 02 lần thoái vốn.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Chu Tiến D, Đỗ Văn N2, Nguyễn Đức V, Phạm Thúy O, Vũ Lê T1, Huỳnh Tấn T2, Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Hoàng H, Hoàng Minh T10 và Lê Viết B phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Hoàng H, Lê Viết B:

[3.1] Tội phạm do các bị cáo gây ra là hết sức nghiêm trọng, không những xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, mà còn gây thất thoát của Nhà nước số tiền lớn, gây bức xúc trong dư luận, gây mất ổn định kinh tế, xã hội tại địa phương do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

- Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tích cực, hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Gia đình các bị cáo có công với cách mạng, được công ty đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự, đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền thất thoát. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Hoàng A1, Nguyễn Hoàng H có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình làm việc, các bị cáo khác có nhiều thành tích trong công tác (Bị cáo Nguyễn Hoàng A1 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2016; Ủy ban nhân dân thành phố M1 tặng Bằng khen năm 2017; Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng khen năm 2019; Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản H tặng Bằng khen năm 2013; Bị cáo Nguyễn Hoàng H được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố M1 tặng nhiều bằng khen; Chiến sỹ thi đua nhiều năm liền). Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tương ứng với các tình tiết của các bị cáo.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng A1 cung cấp: Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đối với Nguyễn Hoàng A1, do có thành tích trong việc truy bắt đối tượng trộm cắp tài sản tại địa phương.

- Bị cáo Lê Viết B cung cấp: Tài liệu thể hiện ông Lê Đình C2 (cha bị cáo Lê Viết B), ông Lê Đình B2 (bác ruột bị cáo Lê Viết B), ông Lê Văn L1 (ông nội bị cáo Lê Viết B), ông Lê Đình L2 (anh trai bị cáo Lê Viết B) có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều giấy khen, huân chương, huy chương kháng chiến. Tài liệu thể hiện bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố M1 tặng thưởng bằng khen.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng H cung cấp: Biên lai thu số AA/2022/0004214 ngày 10/11/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị cáo Nguyễn Hoàng H nộp số tiền 200.000.000 đồng; Thư cảm ơn ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C đối với gia đình bà Lê Thị L3, ông Nguyễn Hoàng T13, ông Nguyễn Hoàng N4 vì góp phần chăm lo cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh thật sự khó khăn, người già neo đơn; Các giấy khen, bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố M1, Ban chấp hành Đảng bộ Sở Công nghiệp cho bị cáo H trong các năm 2001, 2002, 2004, 2005.

*Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày việc nộp thêm số tiền 200.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm là để khắc phục thêm thiệt hại đã xảy ra. Xét, trong vụ án này từ giai đoạn điều tra, toàn bộ thiệt hại đã được các bị cáo khắc phục, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo. Việc bị cáo nộp thêm số tiền này là vượt quá thiệt hại của vụ án nên bị cáo được nhận lại số tiền này. Đối với những nội dung trình bày khác mà bị cáo nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và đã áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A1: Tài liệu mà bị cáo cung cấp là tình tiết mới chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, nhưng thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Tuy nhiên, xét thấy tình tiết này thể hiện ý thức của bị cáo đối với cộng đồng, nên để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Đối với bị cáo Lê Viết B: Những tài liệu mà bị cáo cung cấp thể hiện gia đình bị cáo có công cách mạng cũng thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hơn nữa, so với các bị cáo khác trong cùng vụ án thì bị cáo được coi là người giúp sức với vai trò hạn chế, số tiền mà bị cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước là thấp hơn các bị cáo còn lại (chỉ cao hơn Vũ Lê T1 và Huỳnh Tấn T2). Bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Mặt khác, tính chất mức độ hành vi phạm tội, số tiền thất thoát cho Nhà nước do hành vi của bị cáo gây ra là thấp hơn các bị cáo Phạm Thúy O và Nguyễn Đức V (là 02 bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức hình phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo). Do vậy, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật cũng như tính công bằng về phần hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, vận dụng tinh thần điểm d khoản 3 Điều 5 nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng H; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Viết B, Nguyễn Hoàng A1; Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo B, bị cáo A1.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hoàn H, sinh năm 1958 nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Nguyễn Hoàng A1, Lê Viết Ba k phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàn H;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Viết B, bị cáo Nguyễn Hoàng A1;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 258/2023/HS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàn H, Nguyễn Hoàng A1, Lê Viết B phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

- Áp dụng Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt **Nguyễn Hoàn H** 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt **Nguyễn Hoàng A1** 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 4, Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cấm bị cáo Nguyễn Hoàng A1 đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng Khoản 3, Điều 219; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt **Lê Viết B** 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường A4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4, Điều 219 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cấm bị cáo Lê Viết B đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hoàn H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/0004214 ngày 10/11/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hoàn H được miễn

Bị cáo Lê Viết B, Nguyễn Hoàng A1 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- BCTN (3);
- UBND Phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Lưu (10) 21b (ÁnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

